TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2026

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Văn Chế;

Ông Triệu Minh Tư.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 09/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không tu trí làm ăn, mải chơi bời lêu lổng, tham gia vào các trò chơi cá cược trên mạng, đánh bạc, đánh đập vợ con nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù chị P đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C

không thay đổi. Xác định không thể chung sống với anh C được nữa, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/6/2015 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 11/7/2019. Hiện nay các cháu đang ở với bố và ông bà nội tại thôn C, xã V, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu K và cháu H cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức là 2.500.000 đồng/1tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/01/2026 bị đơn anh Nguyễn Văn C có bản tự khai nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với nội dung: Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, xác nhận việc đăng ký kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị P trình bày là hoàn toàn đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh C cho rằng: Vợ chồng mâu thuẫn là do trong việc làm ăn phát triển kinh tế gặp khó khăn dẫn đến nợ nần từ đó phát sinh những mâu thuẫn trong gia đình. Từ trước đến nay anh chưa bao giờ đánh đập chị P. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh thì anh không nhất trí, anh mong muốn chị P quay về đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dậy con cái. Trong trường hợp chị P nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/6/2015 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 11/7/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị P có đơn xin giải quyết vắng mặt thể hiện đầy đủ quan điểm về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Văn C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị P và anh Nguyễn Văn C được ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/6/2015 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 11/7/2019 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức là 2.500.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2026 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, do đó không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Văn C cư trú tại là thôn C, xã V, tỉnh Tuyên Quang do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh C có bản tự khai thể hiện đầy đủ quan điểm về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị P và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn ngày 09/6/2015 tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã V, tỉnh Tuyên Quang), do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng làm ăn kinh tế không được thuận lợi, nợ nần nhiều, không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau về những vấn đề phát sinh trong cuộc sống dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. HĐXX xét thấy: Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải, khuyên bảo nhiều lần, cả hai anh chị đều đã tạo điều kiện và cho nhau cơ hội để thay đổi nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được mà có phần còn trầm trọng hơn. Nhận thấy mâu thuẫn thực sự đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị P, giải quyết cho chị Đặng Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/6/2015 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 11/7/2019. Khi ly hôn chị Đặng Thi P có nguyện vọng giao hai cháu cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng con với mức 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Duy K cũng có đơn trình bày nguyện vọng được chung sống với bố. Tại bản tự khai ngày 29/01/2026 anh Nguyễn Văn C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu H cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa

phương về điều kiện nuôi dưỡng, học tập và nguyện vọng của con chung. Xác định: Chị Đặng Thị P hiện nay đang đi làm công nhân tại khu công nghiệp M - Hà Nội, ở nhà thuê trọ. Về phía anh C, bố mẹ đẻ của anh C1 còn mạnh khỏe, có điều kiện hỗ trợ cho anh C trong việc nuôi, dạy các cháu, anh C hiện nay ở nhà, không đi làm ăn xa, các cháu đang sinh sống ổn định và được đi học bình thường. HĐXX xét thấy: Việc giao cháu K và cháu H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với nguyện vọng của các cháu, đảm bảo cho môi trường sống của các cháu được ổn định, không bị xáo trộn làm ảnh hưởng đến tâm lý, quá trình học tập và sự phát triển toàn diện của các cháu. Do đó, việc giao các con chung cho anh C1 nuôi dưỡng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đặng Thị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn chị Đặng Thị P và bị đơn anh Nguyễn Văn C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/6/2015 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 11/7/2019 cho anh Nguyễn Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Đặng Thị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức là 2.500.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2026 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị P và

anh C có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đặng Thị P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu số 0000663 ngày 09 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Đặng Thị P còn phải thi hành 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí còn thiếu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Phúc